

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HC-ST

Ngày: 19-01-2018

V/v khiếu kiện Quyết định

hành chính trong lĩnh vực

quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trung

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 70/2017/TLST-HC ngày 06 tháng 9 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Ủy ban nhân dân huyện M; quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST-HC ngày 19-12-2017; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HC ngày 03-01-2018 và Thông báo chuyển thời gian xét xử số 77/2018/TA-HC ngày 15-01-2018 giữa các đương sự:

-Người khởi kiện: Ông Trần T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu dân cư 19, thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1940

Địa chỉ: xã Đức Thạnh, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần T: Luật sư Nguyễn Phúc Thái - Công ty Luật TNHH MTV Minh Phước

Địa chỉ: Phòng 605 chung cư số 01 Lê Thanh Nghị, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

-Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc L - Phó Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch UBND huyện M: Ông Bùi Thanh X - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M; Ông Nguyễn K - Trưởng phòng Tư pháp huyện M.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 52 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Hữu M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

Tại phiên tòa ông Trần T, ông Nguyễn Văn N, Luật sư Nguyễn Phúc Thái đều có mặt.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; ông Phạm Ngọc L; ông Bùi Thanh X; ông Nguyễn K và ông Trịnh Hữu M đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào ngày 09-9-2011, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ. Lý do thu hồi để sử dụng vào mục đích quy hoạch khép kín khu dân cư. Tổng diện tích thu hồi 5411m², loại đất trồng cây hàng năm (BHK); nguồn gốc đất thu hồi là đất 5% Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý.

Ông Trần T cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, cụ thể :

Quyết định số 284/QĐ-UBND thu hồi đất không đúng đối tượng: Diện tích đất do Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi của Ủy ban nhân dân xã Đ trong đó có 1000m² là một phần diện tích đất của thửa đất 228, tờ bản đồ số 08, địa chỉ xã Đ, huyện M là của ông Trịnh Hữu M đã đổi đất cho gia đình ông, tại biên bản bản đổi đất ngày 05-10-2003, theo chủ trương đổi đất của Hợp tác xã Đức Thanh. Gia đình ông đã sử dụng thửa đất trên ổn định từ khi đổi đất mãi cho đến ngày 09-9-2011 thì Ủy ban nhân dân huyện M ra quyết định thu hồi đất mà đối tượng thu hồi đất ở đây là của Ủy ban nhân dân xã Đ chứ không phải là thu hồi đất của của hộ gia đình ông. Điều này Ủy ban nhân dân huyện M đã vi phạm Điều 32 Luật đất đai năm 2003. Hơn nữa, gia đình ông đủ điều kiện để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15; điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84 năm 2007 của Chính phủ.

Do không đồng ý với quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 nên ông đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M để giải quyết. Ngày 20-4-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành quyết định số 734/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, ông đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 04-8-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 1411/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông.

Do không đồng ý với quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ và quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai cho ông. Vào ngày 04-8-2017, ông Trần T đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy các quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Chủ tịch UBND huyện M; quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ ông Trần T yêu cầu hủy các quyết định nêu trên: Việc ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng đối tượng, đất thu hồi là của ông đã đổi đất cho ông Trịnh Hữu Minh. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là chưa đúng pháp luật theo Luật đất đai năm 2003.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện và có ý kiến tại văn bản số 1053/UBND-NC ngày 09-10-2017 trình bày như sau:

Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ đang quản lý để cấp đất ở cho hộ gia đình, cá nhân ở xã Đ, huyện M không có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần T. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại 2011, ông Trần T khiếu nại quyết định số 284 của Ủy ban nhân dân huyện M là không đủ điều kiện để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M thụ lý giải quyết.

Về nguồn gốc đất: Ông Trần T khai thửa đất số 228 (bản đồ 299) chính là thửa đất số 56, căn cứ theo Đông, Tây tứ cận thì thửa đất số 56 là thửa đất của ông. Ông T không cung cấp được giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất của ông tại thửa đất trên (chỉ có giấy đổi đất và biên bản tự đổi đất ghi ngày 05-10-2003 giữa ông T với ông Trịnh Hữu M được Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp Đức Thạnh II ký xác nhận ngày 13-10-2003). Ông Trần T không có giấy tờ chứng minh thửa đất số 228 ông đổi cho ông Trịnh Hữu M là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Đỗ Thị Quới (mẹ của ông Trần T) để lại cho ông và ông cũng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông là người sử dụng đất hợp pháp, liên tục thửa đất trên.

Tại biên bản đổi đất giữa ông T với ông M lập ngày 05-10-2003 có Hợp tác xã Đức Thạnh II xác nhận ghi diện tích số thửa được đổi nằm trong thửa đất số 228 (12.000m²), tờ bản đồ số 08 là không có cơ sở, trái với quy định tại Điều 7, Nghị định số 17/1999/NĐ-CP quy định về trình tự thực hiện việc chuyển đổi quyền sử dụng đất thì Hợp tác xã nông nghiệp Đức Thạnh II không có thẩm quyền xác nhận chuyển đổi quyền sử dụng đất. Qua thẩm tra xác minh, không có chứng cứ hợp pháp thể hiện thửa đất ông Trịnh Hữu M đổi cho ông Trần T nằm trong thửa đất 228, tờ bản đồ số 8 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Trịnh Hữu M.

Về hồ sơ địa chính: Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22 (bản đồ năm 2005) do Ủy ban nhân dân xã Đ kê khai. Trước đây thửa đất này là một phần của thửa đất số 224, 225 tờ bản đồ số 8 (bản đồ 299/TTg), loại đất N⁺ do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Thửa đất số 228, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299/TTg) do Ủy ban nhân dân xã Đức Thạnh kê khai, loại đất công cộng có diện tích 1200m², nay thuộc các thửa đất số 1497, 1498, 1547 và 1542 và một phần thửa 1435, 1436, 1437, 1545, 1546, 1543,

1493, 1541 tờ bản đồ số 19 xã Đ. Các thửa đất này có ký hiệu NTD (là đất nghĩa địa) và đất BHK (đất trồng cây hàng năm) do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý, kê khai.

Từ những căn cứ trên việc ông Trần T cho rằng Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ là không đúng đối tượng, đất thu hồi là của ông thì không có căn cứ. Đồng thời biên bản đổi đất không phải là một trong các giấy tờ được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Việc xác nhận của chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Đức Thạnh II là trái với Nghị định số 17/1999/NĐ-CP về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân huyện M ban hành các quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M về việc thu hồi đất của UBND xã Đ và quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện M là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc khởi kiện của ông Trần T yêu cầu hủy các quyết định trên là không có cơ sở.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến tại văn bản số 6334/UBND-NC ngày 13-10-2017 có nội dung như sau:

Để thực hiện việc quy hoạch khép kín khu dân cư trên địa bàn xã Đ. Ngày 09-9-2011 Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ để cấp đất cho hộ gia đình, cá nhân ở xã Đ, trong đó có 16 hộ đang sử dụng đất nhưng không được bồi thường về đất và không có ai khiếu nại về bồi thường, chỉ có ông Trần T phát sinh đơn vào năm 2012. Khi Ủy ban nhân dân xã Đ giao đất cho ông Phạm Tồn thì ông Trần T có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân xã Đ lấy đất của ông để giao cho người khác. Ngày 04-12-2015 và ngày 07-12-2015 ông Trần T có đơn khiếu nại quyết định số 284 và quyết định cấp đất cho hộ ông Phạm Tồn. Ông T cung cấp giấy đổi đất giữa ông với ông Trịnh Hữu M và giấy xác nhận của một số nhân chứng về việc ông canh tác một số vụ hoa màu trên đất.

Ngày 31-12-2015 Chủ tịch Ủy ban nhân huyện M ban hành thông báo số 286/TB-UBND về việc không thụ lý khiếu nại của ông Trần T về việc khiếu nại đối với quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 và quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M

Không đồng ý với thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, ông Trần T khiếu nại Thông báo số 286. Ngày 20-4-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 734/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T. Không đồng ý với quyết định số 734, ông Trần T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 04-8-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 1411/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Trần T.

Việc ông Trần T cung cấp giấy đổi đất giữa ông với ông Trịnh Hữu M 05-10-2003 là không đảm bảo về mặt nội dung và hình thức. Giấy xác nhận của một số nhân chứng về việc ông Trần T có canh tác hoa màu trên đất thì đây là việc làm chiếm dụng đất sau khi đã cân đối cho hộ gia đình xã viên. Việc ban hành các quyết định số 284/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện M và quyết định số 734/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện M là đúng chính sách pháp luật về đất đai. Do đó, việc bác đơn khiếu nại của ông Trần T tại quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Hữu M trình bày tại bản tự khai ngày 10-10-2017: Để thuận lợi cho việc xâm canh trồng cây Đào theo chủ trương khép kín của Hợp tác xã Nông Nghiệp Đức Thạnh II nên giữa chúng tôi gồm có Chủ nhiệm Hợp tác xã, Ban kiểm soát; ông Trịnh Hữu M và ông Trần T đã thống nhất với nhau lập biên bản đổi đất để tiện canh tác. Nguồn gốc đất mà ông đã thỏa thuận đổi đất với ông Trần T là không phải của cá nhân ông mà do Hợp tác xã Nông nghiệp Đức Thạnh II quản lý.

Do tuổi cao, sức khỏe yếu đi lại rất khó khăn và để kịp sản xuất cho mùa vụ đến nên ông có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt (bút lục 225).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Đ có văn bản số 138/UBND ngày 30-10-2017 có ý kiến như sau: Để thực hiện quy hoạch khép kín khu dân cư năm 2010 tại địa bàn xã Đ. Ngày 09-9-2011 Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 284/QĐ - UBND về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ để giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện quy hoạch khu dân cư khép kín tại địa bàn xã Đ. Ủy ban nhân dân xã Đ với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì nhận thấy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M thì không có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Trần T nên việc khởi kiện của ông Trần T yêu cầu hủy quyết định trên là không có căn cứ pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện M có nội dung xin rút quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần T. Tuy nhiên, người khởi kiện ông Trần T không đồng ý về việc rút quyết định, yêu cầu Tòa án xét xử vụ án.

Về nội dung của các quyết định thì đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận thấy: Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Ủy ban nhân dân

huyện M là quyết định thu hồi đất của UBND xã Đ, thu hồi một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 22 (nguyên trước đây thuộc tờ bản đồ số 08), có nguồn gốc do ông Trần T đổi đất với ông Trịnh Hữu M, việc đổi đất này có xác nhận của Hợp tác xã Nông Nghiệp Đức Thạnh II. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND thì ông Trần T có đơn khiếu nại đối với quyết định này nhưng không được Chủ tịch UBND huyện M thụ lý để giải quyết thể hiện tại Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015. Việc ban hành Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M là chưa đúng theo quy định của Luật khiếu nại.

Đối với Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M thì Chủ tịch UBND huyện M đã thụ lý và ghi Thông báo số 284/TB-UBND, nhưng tại phần Quyết định ghi Thông báo số 286/TB-UBND. Tại đơn khiếu nại 4.02.2016 của ông Trần T khiếu nại 03 yêu cầu nhưng Chủ tịch UBND huyện M chỉ thụ lý và giải quyết 01 yêu cầu đối với Thông báo số 286/TB-UBND của Chủ tịch UBND huyện M còn 02 yêu cầu khiếu nại đối với quyết định số 284/QĐ-UBND và quyết định số 322/QĐ-UBND chưa được Chủ tịch UBND huyện M xem xét để giải quyết.

Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thì Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết đối với Thông báo số 286/TB-UBND của Chủ tịch UBND huyện M; quá trình xác minh, thẩm tra, giải quyết khiếu nại thì Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đều giải quyết khiếu nại đối với Thông báo số 286/TB-UBND. Việc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 1411/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Trần T là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại 2011.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M; hủy quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc hủy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của UBND huyện M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần T: Luật sư Nguyễn Phúc Thái - Công ty Luật TNHH MTV Minh Phước trình bày: Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 thu hồi đất của UBND xã Đ không phải là đất công ích, vì UBND xã Đ không quản lý thửa đất và không đăng ký kê khai. Toàn bộ hồ sơ vụ án thì không có thể hiện hợp đồng thuê đất giữa các hộ dân ; giữa ông T với UBND xã Đ, căn cứ tại Điều 74 Nghị định số 181/NĐ-CP; Điều 72 Luật đất đai thì diện tích đất thu hồi của UBND xã Đ không phải là đất công ích. Quyết định số 284/QĐ-UBND thu hồi đất của UBND xã Đ là không đúng đối tượng; nguồn gốc đất bị thu hồi là của ông Trần T đổi đất với ông M và ông T là người quản lý sử dụng đất hợp pháp, không có tranh chấp từ năm 1993 đến năm 2004; ông T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm dụng đất của UBND xã Đ; khi Nhà nước thu hồi đất thì ông T có

trồng cây Đào trên đất. Căn cứ vào quy định của Luật đất đai thì ông T được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc UBND huyện M ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần T về việc hủy các quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M; quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy

Về thủ tục tố tụng:

[1] Vào ngày 04-12-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Hữu M có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 03-01-2018, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; Ngày 18-01-2018, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch UBND huyện M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện M và Chủ tịch UBND huyện M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông Phạm Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có nội dung xin rút quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần T. Tuy nhiên, người khởi kiện không đồng ý về việc rút quyết định của người bị kiện, yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Do không đồng ý với các quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ; quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Trần T. Các Quyết định số 284/QĐ-UBND; quyết định số 734/QĐ-UBND và quyết định số 1411/QĐ-UBND là quyết định hành chính và là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[4] Ông Trần T cho rằng các Quyết định số 284/QĐ-UBND; quyết định số 734/QĐ-UBND và quyết định số 1411/QĐ-UBND này không đúng pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ngày 04-8-2017, ông Trần T có đơn

khởi kiện các quyết định trên tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu hủy các Quyết định trên là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[5] Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[6] *Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của Ủy ban nhân dân huyện M:*

Căn cứ vào quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 13-9-2010 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc quy hoạch khép kín khu dân cư tại địa bàn xã Đ. Vào ngày 09-9-2011 Ủy ban nhân dân huyện M đã căn cứ theo quy định của pháp luật, cụ thể căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2003. Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 25-5-2007; Tờ trình số 133/TTr-TNMT ngày 05-9-2011 và Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 31-8-2011 của Ủy ban nhân dân xã Đ để ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 5411m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK), nguồn gốc đất: Đất 5% Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý để sử dụng vào mục đích quy hoạch khép kín khu dân cư, là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 97 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003.

Về nội dung của quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M: Quyết định số 284/QĐ-UBND là quyết định thu hồi đất của UBND xã Đ, do không đồng ý với quyết định số 284/QĐ-UBND ông Trần T đã có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện M, nội dung ông T khiếu nại như sau: “*khiếu nại quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ và khiếu nại quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 10-10-2011 của Ủy ban nhân huyện M về việc giao đất cho hộ ông Phạm Tồn để xây dựng nhà ở*” (bút lục 112).

Ngày 31-12-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại 2011 ban hành Thông báo số 286/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Trần T với các lý do: Các Quyết định số 284/QĐ-UBND và quyết định số 322/QĐ-UBND là quyết định của Ủy ban nhân dân huyện M giao đất cho hộ ông Phạm Tồn để xây dựng nhà ở. Về nội dung của các quyết định trên thì không có nội dung liên quan xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần T. Do đó, việc khiếu nại của ông Trần T không được UBND huyện M thụ lý để giải quyết.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bản đồ 2005 thửa đất số 56, tờ bản đồ 22 là của bộ địa chính xã Đ, nguyên trước đây là một phần của thửa đất 224, 225 tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299/TTg) loại đất N⁺ của bộ địa chính xã Đức Thạnh. Thửa đất số 56 do Ủy ban nhân dân xã Đ kê

khai. Thửa đất 224, 225 do Ủy ban nhân dân xã Đức Thạnh kê khai. Sổ mục kê đất sử dụng công cộng, sổ đăng ký ruộng đất là đất sử dụng công cộng. Thửa đất 228 tờ bản đồ số 8 (bản đồ 299/TTg) đất thuộc bộ địa chính xã Đức Thạnh do Ủy ban nhân dân xã Đức Thạnh kê khai là đất sử dụng công cộng (bút lục 95) đây là thửa đất hiện ông T đang có khiếu nại.

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp cụ thể tại biên bản về việc đổi đất 05-10-2003 và giấy xác nhận của Chủ nhiệm hợp tác xã Nông nghiệp Đức Thạnh II ngày 13-10-2003, thì Hội đồng xử xét thấy rằng việc Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ là có liên quan đến thửa đất số 228, tờ bản đồ số 08, điều này được thể hiện cụ thể tại nội dung của biên bản về việc đổi đất và giấy xác nhận do người khởi kiện cung cấp, có ghi cụ thể: “*diện tích số thửa đất nằm trong thửa đất số 228, tờ bản đồ số 08, Hợp tác xã Nông nghiệp Đức Thạnh II*”, cho nên ông Trần T được quyền khiếu nại đối với quyết định số 284/QĐ-UBND vì ông cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm khi UBND huyện M ban hành quyết định số 284/QĐ-UBND. Do đó, việc khiếu nại của ông phải được Chủ tịch UBND huyện M thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện M không thụ lý khiếu nại để giải quyết cho ông Trần T mà ban hành Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Trần T là không đúng theo quy định của Luật khiếu nại.

Vì ông Trần T đang khiếu nại quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 và khiếu nại của ông chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M xem xét thụ lý để giải quyết nên yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 là chưa có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc hủy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 734/QĐ-UBND 20-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là đúng theo quy định tại Điều 18; Điều 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật khiếu nại.*

Xét về nội dung của quyết định số 734/QĐ-UBND thì Hội đồng xét xử xét thấy: Không đồng ý với Thông báo số 286/TB-UBND, vào ngày 04-2-2016 ông Trần T đã có đơn khiếu nại và yêu cầu Chủ tịch UBND huyện M giải quyết với nội dung: “Hủy các quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011; quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 10-10-2011 của Ủy ban nhân dân huyện M và hủy thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M”.

Sau khi xem xét đơn khiếu nại, tiến hành xác minh, thẩm tra và tổ chức đối thoại theo Luật khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông Trần T,

cụ thể : “không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 04-2-2016 của ông Trần T đối với Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 ...”

Đối chiếu vào đơn khiếu nại và quá trình thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại quyết định số 734/QĐ-UBND, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khiếu nại ông Trần T khiếu nại và yêu cầu Chủ tịch UBND huyện M giải quyết 03 yêu cầu, nhưng Chủ tịch UBND huyện M chỉ thụ lý 01 yêu cầu khiếu nại đối với thông báo số 286/TB-UBND, còn 02 yêu cầu về việc hủy quyết định số 284/QĐ-UBND và quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 10-10-2011 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M không thụ lý để giải quyết. Như vậy, việc thụ lý khiếu nại của chủ tịch UBND huyện M là còn thiếu sót, chưa thụ lý và giải quyết hết yêu cầu của người khiếu nại. Việc ban hành quyết định số 734/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại cho ông Trần T là chưa đúng pháp luật, vi phạm các quy định của pháp luật về việc giải quyết khiếu nại. Do đó, yêu cầu của ông Trần T về việc hủy quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Không đồng ý với quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M, ngày 16-5-2016 ông Trần T có đơn khiếu nại lần 2 đối với quyết định số 734 (bút lục 81).

Ngày 13-6-2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại lần hai và ban hành quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 để giải quyết khiếu nại lần hai cho ông Trần T.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có những thiếu sót và vi phạm như sau:

Thụ lý khiếu nại không đúng với nội dung khiếu nại của ông Trần T, cụ thể tại đơn khiếu nại lần hai đề ngày 16-5-2016 (bút lục 81), ông Trần T khiếu nại quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi lại thụ lý khiếu nại đối với Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M (bút lục 76).

Trình tự, thủ tục thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại lần hai và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai cho ông Trần T thì Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đều thụ lý và giải quyết khiếu nại đối với Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M, còn nội dung khiếu nại tại đơn khiếu nại đề ngày 16-5-2016 của ông Trần T chưa được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thụ lý và giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại. Do đó, việc ban hành quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết khiếu nại lần hai cho ông Trần T là chưa đúng pháp luật, vi phạm quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011 và

Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Xét yêu cầu của ông Trần T về việc hủy quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận 01 phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch UBND huyện M và quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của UBND huyện M.

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần T không yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện MỘ Đức nhưng căn cứ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan thì Hội đồng xét xử xét thấy việc ban hành Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M là không đúng pháp luật như nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên. Nên cần phải hủy đối với Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M.

[10] *Về án phí hành chính sơ thẩm*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu 300.000 đồng và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần T 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm số AA/2016/0001366 ngày 31-8-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[11] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần T, về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định số 734/QĐ-UBND; quyết định số 1411/QĐ-UBND là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, đối với yêu cầu hủy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 của UBND huyện M là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính Phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần T.

1. Tuyên hủy Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 20-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T

2. Tuyên hủy Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 04-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T

3. Tuyên hủy Thông báo số 286/TB-UBND ngày 31-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện M.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu hủy quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 09-9-2011 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Đ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu 300.000 đồng và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần T 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm số AA/2016/0001366 ngày 31-8-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bé

